TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

FDI trong chiến lược tăng trưởng hai con số: Đòn bẩy phát triển hay bài kiểm tra bản lĩnh điều hành?

06:55 03/03/2026

Mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới đặt Việt Nam trước yêu cầu tái định vị vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tái cấu trúc và cạnh tranh địa chính trị gia tăng, câu hỏi không còn là thu hút bao nhiêu vốn, mà là lựa chọn và sử dụng dòng vốn đó ra sao để củng cố nội lực và bảo đảm độc lập tự chủ của nền kinh tế.

Trong hai thập niên qua, đặc biệt giai đoạn 2005–2025, quá trình hoàn thiện khung khổ pháp lý về đầu tư theo hướng bình đẳng giữa các khu vực kinh tế, đã tạo nền tảng quan trọng cho môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Việc ban hành và điều chỉnh đồng bộ các luật liên quan đến đầu tư, doanh nghiệp và đất đai giúp nâng cao tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo của chính sách. Nhờ đó, Việt Nam từng bước khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn đối với nhà đầu tư quốc tế trong khu vực.

Dòng vốn FDI trong giai đoạn này không chỉ gia tăng về quy mô, mà còn đóng vai trò đáng kể trong việc mở rộng năng lực sản xuất, thúc đẩy xuất khẩu và tạo hàng triệu việc làm. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trở thành động lực chính của nhiều ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những kết quả đó cho thấy sự định hướng nhất quán của Đảng và Nhà nước trong việc hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời phản ánh hiệu quả của hệ thống chính sách được triển khai tương đối đồng bộ và ổn định.



Kinh tế tư nhân, động lực tăng trưởng mới.

Tuy nhiên, khi bước sang giai đoạn phát triển mới với yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững hơn, cách tiếp cận đối với FDI cũng cần thay đổi. Mục tiêu không còn dừng lại ở việc duy trì tốc độ thu hút vốn, mà phải hướng tới nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng lan tỏa của dòng vốn này đối với khu vực kinh tế trong nước.

Với FDI, điều này đồng nghĩa với chuyển từ "mở cửa tối đa" sang "mở cửa có chọn lọc". Thực tế cho thấy, nếu thu hút bằng mọi giá, nền kinh tế có thể đối mặt rủi ro về chuyển giá, ô nhiễm môi trường, phụ thuộc công nghệ hoặc cạnh tranh không cân xứng với doanh nghiệp nội địa. Vì vậy, định hướng tại Nghị quyết 50-NQ/TW về thu hút FDI có chọn lọc, ưu tiên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và bảo vệ môi trường tiếp tục mang ý nghĩa chiến lược.

Kinh nghiệm quốc tế cung cấp nhiều gợi mở. Trung Quốc từng tận dụng FDI để bứt phá thành công xưởng sản xuất của thế giới, nhưng song song với đó là chiến lược đầu tư ra nước ngoài và nâng cấp công nghệ nội địa. Khi trở thành nền kinh tế lớn thứ hai toàn cầu, nước này không chỉ nhập vốn mà còn xuất khẩu năng lực sản xuất và công nghệ.

Ngược lại, Nhật Bản sau Thế chiến II lựa chọn con đường phát triển dựa chủ yếu vào nội lực. Nhà nước giữ vai trò điều phối chiến lược, lựa chọn ngành ưu tiên, kiểm soát chặt FDI và tập trung nhập khẩu công nghệ thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào vốn ngoại. Tăng trưởng cao của Nhật Bản trong giai đoạn 1950–1970 phần lớn đến từ năng suất và năng lực quản trị.

Hai mô hình khác nhau nhưng cùng chung một điểm: FDI chỉ phát huy hiệu quả khi nằm trong tổng thể chiến lược phát triển quốc gia. Với Việt Nam, xu hướng "China+1" mở ra cơ hội đón dòng vốn dịch chuyển. Song nếu thiếu sàng lọc, nguy cơ tiếp nhận công nghệ lạc hậu hoặc dự án thâm dụng tài nguyên là hiện hữu.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, FDI cần được định hướng vào các lĩnh vực có hàm lượng tri thức cao như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, kinh tế số. Đồng thời, chính sách phải khuyến khích liên kết chuỗi giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Tăng trưởng hai con số là mục tiêu tham vọng nhưng khả thi nếu đi kèm cải cách thể chế sâu rộng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. FDI có thể là đòn bẩy quan trọng, song không thể thay thế nội lực. Trong kỷ nguyên phát triển mới, thước đo thành công không chỉ là quy mô vốn đăng ký, mà là mức độ lan tỏa công nghệ, năng suất và giá trị gia tăng mà dòng vốn đó tạo ra cho nền kinh tế.

Nam Sơn (t/h)